

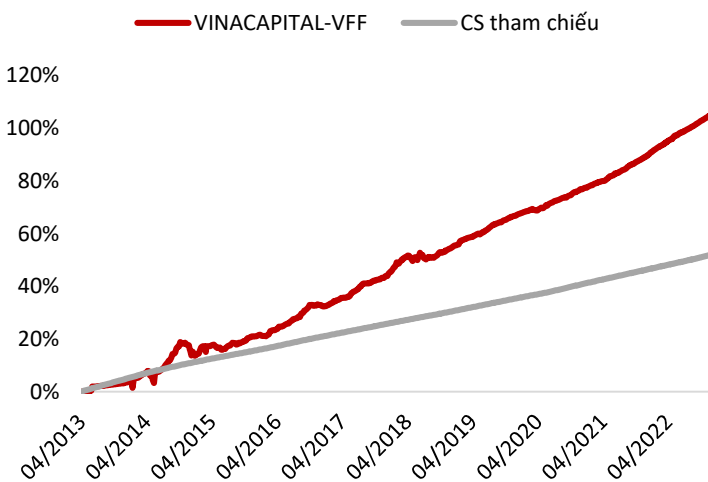
VINACAPITAL-VFF

Chiến lược đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	951.6	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	20,560.6	
Lợi nhuận tháng 11/2022 (%)	0.8	0.6
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	7.6	5.3
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	7.2	5.3
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập(%)	7.7	4.4
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	105.6	52.1

\* CSTC: Chỉ số tham chiếu

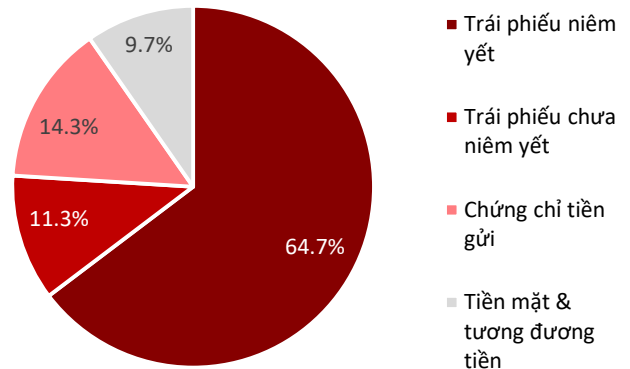
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [irwm@vinacapital.com](mailto:irwm@vinacapital.com)

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



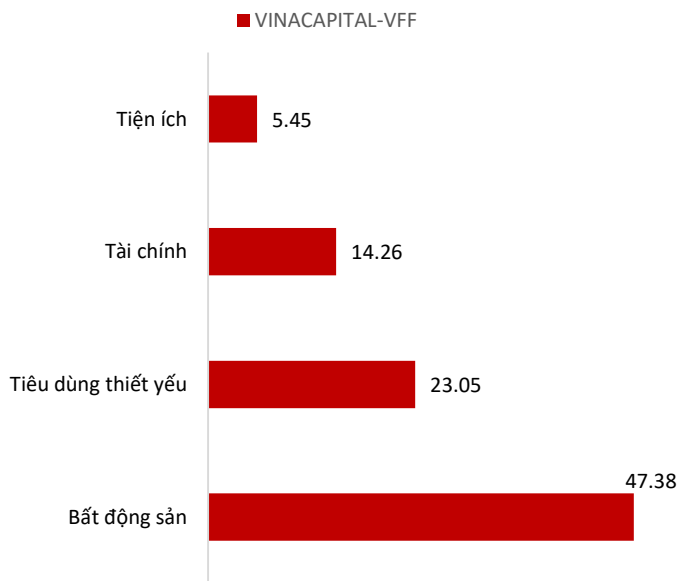
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% >= 12 tháng 0.0% >= 24 tháng
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.22
Lợi suất khi đáo hạn (%)	9.27

Phân bố theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
KBC	15.1	9.8	0.5
TN1	15.0	10.0	2.0
MSN	12.0	10.2	0.7
VIC	10.7	9.6	1.2
MML	10.5	9.2	3.0

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Sau sự biến động mạnh của thị trường liên ngân hàng do sụt giảm thanh khoản trong tháng 10, thanh khoản thị trường đã cải thiện và ổn định hơn mặc dù NHNN vẫn phải tiếp tục hỗ trợ thanh khoản trong tháng 11. Cụ thể, NHNN đã tiếp tục bơm ròng 21,3 nghìn tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở, tuy nhiên đã giảm rõ rệt so với mức hỗ trợ 50,4 nghìn tỷ đồng trong tháng 10, qua đó cho thấy sự cải thiện về trạng thái thanh khoản của thị trường. Số dư tín phiếu và mua kỳ hạn tại cuối tháng 11 lần lượt là 40 nghìn tỷ đồng (giảm so với mức 77 nghìn tỷ đồng của tháng 10) và 71 nghìn tỷ đồng (giảm so với mức 86,7 nghìn tỷ đồng của tháng 10). Do đó lãi suất qua đêm của thị trường liên ngân hàng ổn định, dao động quanh 5,5%/năm, và đạt mức 5,3%/năm vào cuối tháng, tăng 20 điểm cơ bản so với tháng trước.

Với áp lực thanh khoản trên hệ thống ngân hàng được giảm bớt, lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp khá ổn định trong suốt tháng 11. Chúng tôi thấy mức giảm nhẹ 2-3 điểm cơ bản trong kỳ hạn 1 năm-15 năm trong khi có sự tăng nhẹ 4 điểm cơ bản trong kỳ hạn dài hơn (20 năm và 30 năm), do đó đường cong lợi suất cũng phẳng hơn. Trên thị trường sơ cấp, giá trị phát hành TPCP đã đạt mức cao nhất kể từ tháng 05/2021, tăng 73,6% so với tháng trước và đạt 42,8 nghìn tỷ (1,75 tỷ USD). Tỷ lệ đặt thầu và tỷ lệ trúng thầu đều được cải thiện so với tháng trước. Do đó, lãi suất trúng thầu đã tăng đối với kỳ hạn 10Y (tăng 60 điểm cơ bản so với tháng trước, đạt 4,8%) và 15Y (tăng 50 điểm cơ bản so với tháng trước, đạt 4,9%). Bên cạnh đó, KBNN cũng đã điều chỉnh kế hoạch phát hành trong năm 2022 thành 215 nghìn tỷ đồng, giảm từ mức 400 nghìn tỷ đồng. Với kế hoạch mới, KBNN đã đạt 90,4% kế hoạch với 194,3 nghìn tỷ đã phát hành.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, đã có 5 đợt phát hành thông qua chào bán riêng lẻ với tổng giá trị là 1,94 nghìn tỷ, suy giảm 96,9% so với cùng kỳ năm trước. Tập đoàn Masan, hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống, xếp hạng đầu về giá trị phát hành khi chiếm đến 87,9%. Tỷ trọng của ngành bất động sản và ngân hàng trong giá trị phát hành chỉ đạt lần lượt 5,2% và 4,4%. Ngành bất động sản chỉ phát hành 100 tỷ đồng, giảm 99,7% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2020	0.4%	0.5%	-0.3%	0.5%	0.9%	0.6%	0.4%	0.5%	0.4%	0.7%	0.6%	0.3%	5.7%
2021	0.6%	0.5%	0.4%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	0.9%	0.5%	0.6%	0.7%	0.9%	7.7%
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%		7.6%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga găm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.